

Số: 59./2024/GE-CBTT

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Điện lực GELEX thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 đã kiểm toán xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và UBCKNN như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: GEE
- Địa chỉ: Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 024 73012344 Fax: 024 36331510
- Email: congbothongtin@gelex-electric.com Website: www.gelex-electric.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023 đã được kiểm toán
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:



Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 04/03/2024 tại đường dẫn: <https://gelex-electric.com/quan-he-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán;
- Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã kiểm toán;
- Văn bản giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023 so với năm 2022.



Phạm Tuấn Anh



Số: 58/2024/GE-TGD

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2024

V/v: Giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính năm 2023 so với năm 2022.

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX**
Mã chứng khoán : **GEE**
Địa chỉ trụ sở chính : **Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.**

Công ty Cổ phần Điện lực GELEX giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính năm 2023 so với năm 2022 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Báo cáo riêng	Báo cáo hợp nhất
1.	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	Tỷ đồng	1.254	793
2.	Lợi nhuận sau thuế năm 2022	Tỷ đồng	913	972
3.	Biến động so với năm trước	Tỷ đồng	341	-179
4.	Tỷ lệ biến động so với năm trước	%	37,4%	-18,4%

Về lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng năm 2023 tăng 37,4% so với năm 2022 là do một số nguyên nhân chính sau:

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 93 tỷ đồng chủ yếu đến từ lãi bán khoản đầu tư và cổ tức lợi nhuận được chia trong năm 2023 cao hơn so với năm 2022.
- Chi phí tài chính giảm 260 tỷ đồng chủ yếu do chi phí lãi vay giảm và hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính.

Về lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 giảm 18,4% so với năm 2022 là do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Doanh thu thuần tương đương mức thực hiện năm 2022 tuy nhiên lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 giảm 88 tỷ đồng do bối cảnh thị trường gặp nhiều khó khăn.
- Doanh thu tài chính và phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết giảm 287 tỷ đồng chủ yếu do năm 2022 ghi nhận nhiều hơn lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính dài hạn và cổ tức lợi nhuận được chia.
- Chi phí tài chính giảm 227 tỷ đồng đến từ việc giảm chi phí lãi vay, phí và lỗ từ nghiệp vụ LME-Hedging so với cùng kỳ năm trước.
- Ngoài ra, Lợi nhuận khác giảm và Chi phí thuế TNDN năm 2023 tăng so với 2022.



Trên đây là những yếu tố ảnh hưởng chủ yếu gây biến động lợi nhuận sau thuế năm 2023 của Công ty so với năm trước. Bảng văn bản này, Công ty kính báo cáo Quý Ủy ban, Quý Sở và Nhà đầu tư được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trọng Trung



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 39



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Đặng Phan Tường	Thành viên
Ông Đỗ Duy Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Trung	Thành viên
Ông Lê Bá Thọ	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Trung	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Đào Việt Đĩnh	Trưởng Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Huyền	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Hoàng Việt	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Bùi Thị Trang	Thành viên Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023)
Bà Tiêu Thị Dung	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 02 năm 2024



Số: 0473 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 02 năm 2024, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2023-001-1

Lương Tuấn Đạt

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4370-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.447.711.370.879	807.579.561.900
I. Tiền	110	4	359.308.639.737	17.129.349.002
1. Tiền	111		359.308.639.737	17.129.349.002
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		942.714.412.406	774.935.915.077
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	535.771.165.566	123.782.469.993
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		635.630.532	14.395.353.147
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	405.000.000.000	400.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.935.076.711	237.385.552.340
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(627.460.403)	(627.460.403)
III. Hàng tồn kho	140	8	130.807.200.558	-
1. Hàng tồn kho	141		130.807.200.558	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.881.118.178	15.514.297.821
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	737.172.008	1.677.051.732
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.370.280.094	2.063.580.013
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	11.773.666.076	11.773.666.076
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.862.556.855.354	6.806.328.432.840
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	10.000.000	10.000.000
II. Tài sản cố định	220		12.551.220.454	8.732.160.919
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.585.162.718	3.157.244.119
- Nguyên giá	222		9.312.451.969	5.285.562.719
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.727.289.251)	(2.128.318.600)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	6.966.057.736	5.574.916.800
- Nguyên giá	228		9.570.266.170	6.282.752.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.604.208.434)	(707.835.200)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.222.924.980	3.287.514.170
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.222.924.980	3.287.514.170
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	5.840.087.258.502	6.782.144.117.717
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.649.937.895.744	5.798.868.150.428
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.238.396.869.099	1.111.361.869.099
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(48.247.506.341)	(128.085.901.810)
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.685.451.418	12.154.640.034
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	7.685.451.418	12.154.640.034
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		7.310.268.226.233	7.613.907.994.740

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.391.778.161.691	3.349.473.086.779
I. Nợ ngắn hạn	310		2.339.148.150.357	1.769.809.161.067
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	82.203.340.757	155.224.133.229
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	5.004.153.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	117.432.450	803.189.091
4. Phải trả người lao động	314		3.143.522.584	3.004.609.207
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	17.574.088.371	11.700.679.143
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	757.539.374.277	984.649.687.098
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	1.478.131.250.757	608.904.269.138
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		439.141.161	518.441.161
II. Nợ dài hạn	330		52.630.011.334	1.579.663.925.712
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	2.630.011.334	3.287.514.170
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	50.000.000.000	1.576.376.411.542
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.918.490.064.542	4.264.434.907.961
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	4.918.490.064.542	4.264.434.907.961
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		835.287.500.000	835.287.500.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.000.000.000	5.000.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.078.202.564.542	424.147.407.961
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		124.147.407.961	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		954.055.156.581	424.147.407.961
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		7.310.268.226.233	7.613.907.994.740



Nguyễn Thị Vân Anh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng





Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	2.312.065.348.262	2.586.833.679.211
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		2.312.065.348.262	2.586.833.679.211
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	2.286.565.452.879	2.558.618.023.386
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		25.499.895.383	28.215.655.825
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.456.876.578.369	1.364.118.253.220
6. Chi phí tài chính	22	25	182.183.543.264	442.236.889.414
- Trong đó: Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	23		171.236.022.854	240.183.868.361
7. Chi phí bán hàng	25	26	7.124.166.717	7.276.952.072
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	38.978.413.805	30.273.216.354
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		1.254.090.349.966	912.546.851.205
10. Thu nhập khác	31		481	-
11. Chi phí khác	32		35.193.866	-
12. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(35.193.385)	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.254.055.156.581	912.546.851.205
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.254.055.156.581	912.546.851.205

Nguyễn Thị Vân Anh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.254.055.156.581	912.546.851.205
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.432.363.101	799.772.576
Các khoản dự phòng	03	(79.838.395.469)	117.698.545.527
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.832.895.984	241.169.038
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.450.095.909.188)	(1.350.610.701.987)
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	06	171.236.022.854	240.183.868.361
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(95.377.866.137)	(79.140.495.280)
Giảm các khoản phải thu	09	253.143.763.752	84.264.807.725
(Tăng) hàng tồn kho	10	(130.807.200.558)	-
(Giảm)/(tăng) các khoản phải trả (Không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, lãi tiền vay phải trả)	11	(290.726.350.979)	(76.052.403.821)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	5.442.278.340	(10.571.020.632)
Tiền lãi vay đã trả	14	(186.611.289.648)	(234.664.889.588)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(79.300.000)	(95.748.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(445.015.965.230)	(316.259.749.596)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.283.024.230)	(5.955.062.085)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(555.000.000.000)	(400.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	550.000.000.000	300.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(176.113.677.316)	(431.155.386.309)
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	849.850.000.000	1.239.663.600.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.381.875.880.026	809.034.666.084
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.044.329.178.480	1.511.587.817.690

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.286.973.921.751	2.312.676.396.775
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.944.123.351.674)	(3.288.834.969.579)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(599.971.600.000)	(779.884.240.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(1.257.121.029.923)</i>	<i>(1.756.042.812.804)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	342.192.183.327	(560.714.744.710)
Tiền đầu năm	60	17.129.349.002	577.844.093.712
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(12.892.592)	-
Tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	359.308.639.737	17.129.349.002

Nguyễn Thị Vân Anh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (“Công ty”) được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107547109 ngày 29 tháng 8 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 15 tháng 11 năm 2022.

Công ty có trụ sở chính tại số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 8885/UBCK-GSĐC ngày 24 tháng 12 năm 2021.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX.

Tổng số cán bộ, nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 27 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 23 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm:

- Hoạt động với vai trò là công ty mẹ, nắm giữ và quản lý phần vốn góp tại các công ty con trực tiếp hoạt động trong ngành sản xuất thiết bị điện và sản xuất, truyền tải, phân phối điện;
- Sản xuất kinh doanh vật tư thiết bị và thiết bị đo điện gồm công tơ điện, đồng hồ Vol-Ampe, máy biến dòng, máy biến áp và các sản phẩm khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

- Mua thêm cổ phần chào bán tại Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX (“Mua bán điện”):

Theo Nghị quyết số 04/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 02 năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận chủ trương tăng vốn tại Mua bán điện. Trong năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 1.504.500 cổ phần của Mua bán điện theo phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông của Mua bán điện phê duyệt. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Mua bán điện vẫn giữ nguyên là 51%.

- Mua thêm cổ phần CAV – Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (“Cadivi”) thông qua hình thức chào mua công khai:

Tại ngày 28 tháng 02 năm 2023, Công ty đã kết thúc đợt chào mua công khai cổ phiếu CAV - Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (“Cadivi”) theo Nghị quyết số 53/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 07 tháng

12 năm 2022, số lượng cổ phiếu đã mua là 64.456 cổ phiếu. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Cadivi tăng từ 96,35% lên 96,46% kể từ ngày này.

- Mua tăng sở hữu cổ phiếu THI – Công ty Cổ phần Thiết bị điện (“THIBIDI”):

Trong năm, Công ty đã hoàn thành mua thêm tổng số lượng 3.594.023 cổ phiếu THI, theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại THIBIDI tăng từ 90,71% lên 98,07%. Cụ thể như sau:

- Tại ngày 28 tháng 02 năm 2023, Công ty đã kết thúc đợt chào mua công khai cổ phiếu THI theo Nghị quyết số 52/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 12 năm 2022, số lượng cổ phiếu đã mua 250.328 cổ phiếu.
- Tại ngày 25 tháng 4 năm 2023, Công ty đã hoàn tất thủ tục mua 2.263.500 cổ phiếu THI theo Nghị quyết số 10/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 3 năm 2023.
- Tại ngày 29 tháng 6 năm 2023, Cổ phiếu THI của Công ty Cổ phần Thiết bị điện được chấp thuận hủy niêm yết theo Quyết định số 238/QĐ-SGDHCM cấp ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Theo Nghị quyết số 09A/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 3 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc đồng ý cam kết mua lại toàn bộ số lượng cổ phiếu THIBIDI và Nghị quyết số 29/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 7 năm 2023, Hội đồng Quản trị thông qua Phương án thực hiện cam kết mua lại toàn bộ số lượng cổ phiếu THIBIDI mà các cổ đông còn lại nắm giữ sau khi THIBIDI hủy tư cách công ty đại chúng, hủy niêm yết, tại ngày 13 tháng 10 năm 2023, Công ty đã hoàn tất thủ tục mua 1.080.195 cổ phiếu THI.

- Thành lập Công ty con gián tiếp - Công ty Cổ phần Mua bán điện Hưng Yên:

Theo Nghị quyết số 51/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 11 năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty đã chấp thuận với đề xuất của Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX (“Mua bán điện”) về việc Mua bán điện góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Mua bán điện Hưng Yên với số vốn điều lệ góp là 3.060.000.000 VND, tương ứng tỷ lệ biểu quyết 51%. Trong năm 2023, Mua bán điện đã góp đủ số tiền 3.060.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Mua bán điện Hưng Yên, tuy nhiên do các cổ đông khác không góp đủ vốn theo cam kết nên tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Mua bán điện tại Mua bán điện Hưng Yên là 72,86%.

- Mua thêm cổ phần chào bán tại Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE (“MEE”):

Theo Nghị quyết số 24/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 6 năm 2023, trong năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc mua 5.902.500 cổ phần của MEE theo phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông của MEE phê duyệt.

Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại MEE tăng từ 51,00% tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lên 66,79% kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2023.

- Hoàn tất chuyển nhượng 90% phần vốn góp tại Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị:

Theo Nghị quyết số 35/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng Quản trị, tại ngày 29 tháng 9 năm 2023, Công ty thực hiện việc chuyển nhượng 90% phần vốn góp tại Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị (“GELEX Quảng Trị”) cho Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX – công ty cùng Tập đoàn thông qua Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số

2808/2023/HĐCNVPG/GELEX Infra – GELEX Electric ngày 28 tháng 8 năm 2023 và phụ lục kèm theo. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại GELEX Quảng Trị giảm từ 100% xuống còn 10%, GELEX Quảng Trị không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này. Công ty TNHH MTV Mirai Quảng Trị - công ty con của Gelex Quảng Trị cũng không còn là công ty con gián tiếp của Công ty.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con mà Công ty có tỷ lệ lợi ích trực tiếp và tỷ lệ biểu quyết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam (“Cadivi”)	Thành phố Hồ Chí Minh	96,46%	96,46%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2.	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội Hà Nội (“HEM”)		76,70%	76,70%	Sản xuất, chế tạo, sửa chữa, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3.	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT (“CFT”)	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất dây đồng và dây tráng thiếc
4.	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (“Thibidi”)	Đồng Nai	98,07%	98,07%	Sản xuất, chế tạo, sửa chữa, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
5.	Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện Hà Nội EMIC (“Emic”)		74,99%	74,99%	Sản xuất và kinh doanh thiết bị đo điện gồm công tơ điện, đồng hồ Volt-Ampe, máy biến dòng, máy biến áp, tủ điện và các sản phẩm khác
6.	Công ty TNHH Phát điện GELEX (“Phát điện GELEX”)	Hà Nội	100%	100%	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải và phân phối điện
7.	Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE (trước đây là “Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh”) (“MEE”)	Hà Nội	66,79%	66,79%	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp
8.	Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	Hà Nội	51,00%	51,00%	Truyền tải và phân phối điện

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, một số công ty con của Công ty cũng sở hữu các công ty con, công ty liên kết khác với thông tin cụ thể về tỷ lệ lợi ích trực tiếp và tỷ lệ biểu quyết như sau:

(i) Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam (“CADIVI”):

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai (“Cadivi Đồng Nai”)	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 25/2023/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (“CADIVI”), Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc (“CADIVI Miền Bắc”) sẽ được thành lập với số vốn điều lệ là 200.000.000.000 VND trong đó tỷ lệ góp vốn của CADIVI là 100%. Ngày 05 tháng 01 năm 2024, CADIVI Miền Bắc đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 230127037 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 03 tháng 01 năm 2024. Theo đó, CADIVI Miền Bắc trở thành công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

09/1
 CỘ
 TIÊN
 EL
 IỆ
 3/Đ

(ii) Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”):

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Điện cơ Hà Nội (“HECO”)	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất, sửa chữa và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2.	Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-Power (“G-Power”)	Hà Nội	100%	100%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD (“SAS”)	Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng

(iii) Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (“Thibidi”):

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh – Công ty Cổ phần (*)	Hà Nội	46,17%	46,17%	Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, thiết kế công trình điện

(*) Tại ngày 31 tháng 8 năm 2023, THIBIDI – công ty con của Công ty đã kết thúc đợt chào mua công khai cổ phiếu TBD - Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh – Công ty cổ phần (“TBD”) theo Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 6 năm 2023, số lượng cổ phiếu đã mua là 6.879.996 cổ phiếu. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của THIBIDI tại TBD tăng từ 24,95% lên 46,17% kể từ ngày này.

(iv) Công ty TNHH Phát điện GELEX (“Phát điện GELEX”):

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận (“GELEX Ninh Thuận”)	Ninh Thuận	100%	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời
2.	Công ty Cổ Phần Phú Thạnh Mỹ (“Phú Thạnh Mỹ”)	Quảng Nam	73,16%	73,16%	Sản xuất thủy điện

(v) Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX (“Mua bán điện GELEX”):

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX Hưng Yên	Hà Nội	72,86%	72,86%	Truyền tải và phân phối điện

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc đồng thời báo cáo tài chính riêng này với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đầy đủ thông tin về hoạt động của Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được và tuân thủ phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao trong 5 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, phí cam kết rút vốn khoản vay, phí chấp nhận thanh toán LC, chi phí nội thất văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ, dụng cụ xuất dùng bao gồm thiết bị văn phòng đã xuất dùng. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí nội thất văn phòng bao gồm các đồ nội thất, trang thiết bị trang trí được phân bổ trong vòng 3 năm sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Phí cam kết rút vốn khoản vay được phân bổ theo thời hạn khoản vay sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Phí chấp nhận thanh toán LC được phân bổ theo thời hạn thanh toán với nhà cung cấp thường là 6 tháng sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm dịch vụ công nghệ thông tin trả trước và các khoản khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Đối với bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ về thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	35.142.094	631.780.740
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	359.273.497.643	16.497.568.262
	359.308.639.737	17.129.349.002

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	420.528.062.534	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	43.112.652.855	962.886.100
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	36.230.999.745	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	20.920.707.500	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	-	97.557.026.424
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	-	12.682.969.360
Các khoản phải thu khách hàng khác	14.978.742.932	12.579.588.109
	535.771.165.566	123.782.469.993
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	471.110.344.808	109.509.154.130

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	225.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	150.000.000.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	30.000.000.000	400.000.000.000
	405.000.000.000	400.000.000.000

Trong đó:

Phải thu về cho vay bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	405.000.000.000	400.000.000.000
---	-----------------	-----------------

Thể hiện khoản phải thu về cho vay tín chấp có thời hạn từ 02 tháng đến 12 tháng với lãi suất 5%-10%/năm. Toàn bộ lãi và gốc cho vay sẽ được thanh toán theo thỏa thuận cụ thể giữa các bên.

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về lãi cho vay	1.654.520.546	5.819.178.083
Ký cược, ký quỹ	205.000.000	5.000.000
Tạm ứng	60.000.000	50.000.000
Tiền phong tỏa để chào mua công khai cổ phiếu THI	-	115.652.725.500
Tiền phong tỏa để chào mua công khai cổ phiếu CAV	-	115.543.725.000
Các khoản phải thu khác	15.556.165	314.923.757
	1.935.076.711	237.385.552.340
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	10.000.000
	10.000.000	10.000.000

Trong đó:

Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	1.654.520.546	5.819.178.083
--	---------------	---------------

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	130.807.200.558	-	-	-
	130.807.200.558	-	-	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phí chấp nhận thanh toán LC	202.332.166	175.862.391
Lãi mua hàng trả chậm	-	820.124.518
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	534.839.842	681.064.823
	737.172.008	1.677.051.732
b. Dài hạn		
Chi phí nội thất văn phòng	4.639.652.415	6.118.819.638
Phí cam kết rút vốn khoản vay	2.869.820.788	5.739.641.577
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	75.931.375	157.533.862
Chi phí trả trước dài hạn khác	100.046.840	138.644.957
	7.685.451.418	12.154.640.034

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	173.522.250	3.141.600.000	1.970.440.469	5.285.562.719
Tăng trong năm	-	3.081.840.250	945.049.000	4.026.889.250
Số dư cuối năm	173.522.250	6.223.440.250	2.915.489.469	9.312.451.969
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	40.283.917	1.989.680.000	98.354.683	2.128.318.600
Khấu hao trong năm	32.920.000	1.020.415.057	545.635.594	1.598.970.651
Số dư cuối năm	73.203.917	3.010.095.057	643.990.277	3.727.289.251
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	133.238.333	1.151.920.000	1.872.085.786	3.157.244.119
Tại ngày cuối năm	100.318.333	3.213.345.193	2.271.499.192	5.585.162.718

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị là 69.722.250 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 69.722.250 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	6.282.752.000
Tăng trong năm	3.287.514.170
Số dư cuối năm	<u>9.570.266.170</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	707.835.200
Hao mòn trong năm	1.896.373.234
Số dư cuối năm	<u>2.604.208.434</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>5.574.916.800</u>
Tại ngày cuối năm	<u>6.966.057.736</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị là 88.400.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 88.400.000 VND).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án xây dựng Hệ thống tích hợp báo cáo quản trị SAC - BI	2.222.924.980	-
Dự án xây dựng phần mềm SAP	-	3.287.514.170
	<u>2.222.924.980</u>	<u>3.287.514.170</u>

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	4.649.937.895.744	(33.615.002.786)		5.798.868.150.428	(128.085.901.810)	
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (i)	1.613.825.662.937	-	3.781.900.806.200	1.610.855.369.317	-	2.769.431.750.000
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	987.388.541.520	-	(iii)	893.009.089.824	-	1.139.813.424.250
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (ii)	332.061.707.611	-	540.265.471.200	332.061.707.611	-	768.839.324.400
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	112.485.000.000	-	(iii)	112.485.000.000	-	(iii)
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	355.644.952.503	-	(iii)	405.644.952.503	-	(iii)
Công ty TNHH Phát điện GELEX	882.715.444.864	-	(iii)	882.715.444.864	-	(iii)
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị	-	-	-	1.270.350.000.000	(127.734.593.349)	(iii)
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	345.671.586.309	(29.891.037.733)	(iii)	286.646.586.309	-	(iii)
Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX	20.145.000.000	(3.723.965.053)	(iii)	5.100.000.000	(351.308.461)	(iii)
Đầu tư vào đơn vị khác	1.238.396.869.099	(14.632.503.555)	-	1.111.361.869.099	-	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	1.111.361.869.099	-	(iii)	1.111.361.869.099	-	(iii)
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị	127.035.000.000	(14.632.503.555)	(iii)	-	-	-
	5.888.334.764.843	(48.247.506.341)	-	6.910.230.019.527	(128.085.901.810)	-

- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn chứng khoán HOSE tại ngày 29 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 12 năm 2022 (phiên giao dịch cuối cùng liền kề trước ngày kết thúc năm tài chính).
- (ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn UPCOM tại ngày 29 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 12 năm 2022 (phiên giao dịch cuối cùng liền kề trước ngày kết thúc năm tài chính).
- (iii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

Công ty cho mượn 24.700.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CAV) và 18.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thiết bị Điện do Công ty sở hữu để làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX phát hành.

Tình hình hoạt động của các công ty con trong năm như sau:

Công ty con	Năm nay		Năm trước	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("Cadivi")	Hoạt động kinh doanh có lãi		Hoạt động kinh doanh có lãi	
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("Thibidi")	Hoạt động kinh doanh có lãi		Hoạt động kinh doanh có lãi	
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	Hoạt động kinh doanh có lãi		Hoạt động kinh doanh có lãi	
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC ("Emic")	Hoạt động kinh doanh có lãi		Hoạt động kinh doanh có lãi	
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT ("CFT")	Hoạt động kinh doanh có lãi		Hoạt động kinh doanh lỗ	
Công ty TNHH Phát điện GELEX ("Phát điện GELEX")	Hoạt động kinh doanh có lãi		Hoạt động kinh doanh có lãi	
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị ("GELEX Quảng Trị")	Không còn là công ty con		Hoạt động kinh doanh lỗ	
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE ("MEE")	Hoạt động kinh doanh lỗ		Hoạt động kinh doanh có lãi	
Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX	Hoạt động kinh doanh lỗ, đang trong quá trình triển khai dự án		Đang trong quá trình triển khai dự án	

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 29.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	63.393.335.671	63.393.335.671	16.268.833.756	16.268.833.756
Công ty TNHH MTV Thiết bị lưới điện - EEMC	8.700.675.060	8.700.675.060	-	-
Công ty Cổ phần Ngô Han	6.017.895.287	6.017.895.287	1.469.267.505	1.469.267.505
BH POWER CO., LIMITED	2.406.760.200	2.406.760.200	-	-
TOYOTA TSUSHO ASIA PACIFIC PTE. LTD.	-	-	135.644.531.790	135.644.531.790
Phải trả các đối tượng khác	1.684.674.539	1.684.674.539	1.841.500.178	1.841.500.178
	82.203.340.757	82.203.340.757	155.224.133.229	155.224.133.229

Trong đó:

Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	63.393.335.671	63.393.335.671	16.278.203.947	16.278.203.947
---	----------------	----------------	----------------	----------------

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số được khấu trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	254.361.769	-	-	254.361.769
Thuế giá trị gia tăng	11.519.304.307	-	-	11.519.304.307
	11.773.666.076	-	-	11.773.666.076
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	143.210.202.838	143.210.202.838	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	249.103.467	249.103.467	-
Thuế thu nhập cá nhân	803.189.091	1.965.498.726	2.686.255.367	82.432.450
Các loại thuế khác	-	337.683.396	302.683.396	35.000.000
	803.189.091	145.762.488.427	146.448.245.068	117.432.450

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay phải trả	7.323.934.900	10.776.058.772
Phí thư tín dụng (LC) phải trả ngân hàng	9.351.262.584	615.304.171
Khác	898.890.887	309.316.200
	17.574.088.371	11.700.679.143
Trong đó:		
Chi phí phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	-	3.287.671

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Dư nợ thư tín dụng (LC)	755.829.521.637	771.079.413.536
Chi phí lãi vay	1.521.240.640	13.444.383.562
Cổ tức phải trả	144.160.000	115.760.000
Nhận đặt cọc	-	200.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	44.452.000	10.130.000
	757.539.374.277	984.649.687.098
b. Dài hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.630.011.334	3.287.514.170
	2.630.011.334	3.287.514.170
Trong đó:		
Phải trả khác các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	3.765.079.827	216.731.897.732

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng (i)	59.155.210.166	59.155.210.166	786.973.921.751	534.123.351.674	312.005.780.243	312.005.780.243
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	90.000.000.000	90.000.000.000	500.000.000.000	520.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
	149.155.210.166	149.155.210.166	1.286.973.921.751	1.054.123.351.674	382.005.780.243	382.005.780.243
Vay dài hạn đến hạn trả						
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	459.749.058.972	459.749.058.972	896.376.411.542	260.000.000.000	1.096.125.470.514	1.096.125.470.514
	459.749.058.972	459.749.058.972	896.376.411.542	260.000.000.000	1.096.125.470.514	1.096.125.470.514
	608.904.269.138	608.904.269.138	2.183.350.333.293	1.314.123.351.674	1.478.131.250.757	1.478.131.250.757

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngân hàng tại thời điểm cuối năm:

Bên cho vay	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	150.172.776.252	-	Kỳ hạn vay 5,5 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 10 tháng 06 năm 2024	3,5%	Thanh toán tiền mua hàng hóa	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	147.226.960.177	-	Kỳ hạn vay 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 10 tháng 04 năm 2024	3,1%- 3,3%	Thanh toán tiền mua hàng hóa	Hợp đồng bảo lãnh vay vốn giữa CTCP Tập đoàn GELEX và Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	14.606.043.814	59.155.210.166	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 14 tháng 05 năm 2024	5,5%	Thanh toán tiền mua hàng hóa	Hợp đồng bảo lãnh vay vốn giữa CTCP Tập đoàn GELEX và Ngân hàng Sinopac
	312.005.780.243	59.155.210.166				



19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Tăng	Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngân hàng (i)	896.376.411.542	896.376.411.542	-	896.376.411.542	-	-	
Vay bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	680.000.000.000	680.000.000.000	-	630.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	
	1.576.376.411.542	1.576.376.411.542	-	1.526.376.411.542	50.000.000.000	50.000.000.000	

(i) Chi tiết vay ngân hàng tại thời điểm cuối năm:

Bên cho vay	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
	VND	VND		(%/năm)		
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Hội sở chính	1.096.125.470.514	1.356.125.470.514	Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2024	Lãi suất vay cố định 8,52%/năm, trả lãi 3 tháng/lần	Tái cấu trúc doanh nghiệp, trả nợ khoản vay với Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	65.400.000 cổ phiếu VGC (Tổng Công ty Viglacera – CTCP) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX. Cam kết thanh toán và bảo lãnh bởi CTCP Tập đoàn GELEX
	1.096.125.470.514	1.356.125.470.514				
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	1.096.125.470.514	459.749.058.972				
- Số phải trả sau 12 tháng	-	896.376.411.542				

Lịch trả nợ các khoản vay dài hạn được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.096.125.470.514	459.749.058.972
Trong năm thứ hai	50.000.000.000	1.496.376.411.542
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	80.000.000.000
	1.146.125.470.514	2.036.125.470.514

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	3.000.000.000.000	835.287.500.000	5.000.000.000	292.100.556.756	4.132.388.056.756
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	912.546.851.205	912.546.851.205
Chia cổ tức	-	-	-	(780.000.000.000)	(780.000.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư cuối năm trước	3.000.000.000.000	835.287.500.000	5.000.000.000	424.147.407.961	4.264.434.907.961
Số dư đầu năm nay	3.000.000.000.000	835.287.500.000	5.000.000.000	424.147.407.961	4.264.434.907.961
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.254.055.156.581	1.254.055.156.581
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(600.000.000.000)	(600.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	3.000.000.000.000	835.287.500.000	5.000.000.000	1.078.202.564.542	4.918.490.064.542

(i) Cổ tức công bố trong năm bao gồm:

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua việc Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 với số tiền là 600 tỷ VND, tương ứng 20% vốn điều lệ. Công ty đã tạm ứng cổ tức 2 đợt bằng tiền theo các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 48/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 11 năm 2022 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ tương đương với 300 tỷ VND và số 09/2023/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 3 năm 2023 với tỷ lệ 5% vốn điều lệ tương đương với 150 tỷ VND. Công ty đã chi trả phần còn lại cổ tức năm 2022 bằng tiền theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 30/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 7 năm 2023 với tỷ lệ 5% vốn điều lệ tương đương với 150 tỷ VND.
- Cổ tức tạm ứng đợt 1 năm 2023 được Công ty thực hiện tạm ứng trong năm 2023 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 38/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 8 năm 2023 với tỷ lệ 10% tương đương 300 tỷ VND.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	300.000.000	300.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>300.000.000</i>	<i>300.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	300.000.000	300.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>300.000.000</i>	<i>300.000.000</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 9 ngày 15 tháng 11 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 3.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	Vốn đã góp			
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	2.399.956.000.000	80,0%	2.399.956.000.000	80,0%
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	165.000.000.000	5,5%	165.000.000.000	5,5%
Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú	220.000.000.000	7,3%	-	0,0%
Các cổ đông khác	215.044.000.000	7,2%	435.044.000.000	14,5%
	3.000.000.000.000	100%	3.000.000.000.000	100%

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ (USD)	560.235,90	1.038,83

Tài sản thuê ngoài:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	4.110.289.860	3.763.711.601
Trên 1 năm đến 5 năm	2.756.132.131	15.054.846.404
	6.866.421.991	18.818.558.005

Cam kết về bảo lãnh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã bảo lãnh cho một số hợp đồng tín dụng ngắn hạn/trung hạn, dài hạn của Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC, Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội, Công ty Cổ phần Thiết bị điện, Công ty Dây đồng Việt Nam CFT, Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX, Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp truyền tải MEE - các công ty con của Công ty.

Số dư theo hợp đồng tín dụng của các công ty trên được Công ty bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là 185,2 tỷ VND; 147,8 tỷ VND; 123,1 tỷ VND; 39,3 tỷ VND; 7,5 tỷ VND và 22,3 tỷ VND.

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.311.381.348.262	2.586.149.679.211
Doanh thu cung cấp dịch vụ	684.000.000	684.000.000
	2.312.065.348.262	2.586.833.679.211
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 29)	1.486.719.131.565	1.827.824.217.211

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa	2.286.565.452.879	2.558.618.023.386
	2.286.565.452.879	2.558.618.023.386

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.279.014.136.800	741.333.194.657
Lãi bán các khoản đầu tư	127.063.062.534	579.381.173.663
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	44.018.709.854	29.896.333.667
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.632.498.995	3.974.281.682
Lãi bán hàng trả chậm	148.170.186	7.979.823.799
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	1.553.445.752
	1.456.876.578.369	1.364.118.253.220

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	171.236.022.854	229.348.020.218
Phí LC UPAS	47.647.269.158	23.287.201.463
Lỗ chênh lệch tỷ giá	26.216.144.325	20.203.841.053
Lãi nhận ký quỹ	10.171.232.877	28.980.821.919
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm, phí chấp nhận thanh toán chứng từ	3.475.490.266	8.912.162.479
Các chi phí liên quan đến khoản vay	2.869.820.789	2.220.358.423
Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	-	10.835.848.143
	(79.838.395.469)	117.698.545.527
Chi phí tài chính khác	405.958.464	750.090.189
	182.183.543.264	442.236.889.414

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	1.886.712.784	1.788.370.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.909.273.465	4.851.012.069
Chi phí khác bằng tiền	1.328.180.468	637.569.762
	7.124.166.717	7.276.952.072
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	15.894.733.282	18.534.990.088
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.432.363.101	799.772.576
Chi phí nguyên vật liệu	26.496.663	146.506.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.991.506.218	7.707.422.680
Chi phí khác bằng tiền	9.633.314.541	3.084.524.046
	38.978.413.805	30.273.216.354

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	17.781.446.066	20.323.360.329
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.432.363.101	799.772.576
Chi phí nguyên vật liệu	41.862.075	146.506.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.885.414.271	12.609.020.449
Chi phí khác bằng tiền	10.961.495.009	3.671.508.108
	46.102.580.522	37.550.168.426

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	1.254.055.156.581	912.546.851.205
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(1.177.535.891.707)	(838.523.657.063)
Cộng các khoản điều chỉnh tăng:	101.719.414.131	3.205.794.350
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm nay	12.892.592	241.169.038
- Chi phí khấu hao xe ô tô không được trừ	493.748.390	154.160.000
- Thù lao HĐQT không điều hành	600.000.000	640.000.000
- Điều chỉnh ước tính giá phí chuyển nhượng khoản đầu tư	94.456.182.636	-
- Các chi phí không được trừ khác	6.156.590.513	2.170.465.312
Trừ các khoản điều chỉnh giảm:	1.279.255.305.838	841.729.451.413
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.279.014.136.800	741.333.194.657
- Chi phí lãi vay các năm trước không được trừ được mang sang	-	100.197.682.633
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm trước	241.169.038	198.574.123
Lỗ các năm trước chuyển sang	(76.519.264.874)	(74.023.194.142)
Thu nhập/(Lỗ) tính thuế	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

Chi tiết lỗ tính thuế được chuyển như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Số lỗ phát sinh	Đã chuyển lỗ	Số lỗ được chuyển trong năm	Đã chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
			đến ngày 31 tháng 12 năm 2022		đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	
		VND			VND	VND
2019	2024	15.330.193.828	(15.330.193.828)	-	(15.330.193.828)	-
2020	2025	86.411.008.014	(58.693.000.314)	(27.718.007.700)	(86.411.008.014)	-
2021	2026	124.410.522.883	-	(48.801.257.174)	(48.801.257.174)	75.609.265.709
		226.151.724.725	(74.023.194.142)	(76.519.264.874)	(150.542.459.016)	75.609.265.709

Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các doanh nghiệp đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty con
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	Công ty con
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty con
Công ty TNHH Phát điện GELEX	Công ty con
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE (trước đây là "Công ty Cổ phần sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh")	Công ty con
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị	Công ty Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch ốp lát Viglacera	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	Không còn là Bên liên quan của thành viên HĐQT (*)
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	Cổ đông lớn/Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần GVI	Bên liên quan của thành viên HĐQT

(*) Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX không còn là Bên liên quan của Công ty kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2023.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.486.719.131.565	1.827.824.217.211
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	1.180.825.549.846	1.416.838.731.796
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	204.146.591.366	305.154.087.986
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	41.720.203.320	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	36.689.902.651	73.239.102.075
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	18.379.426.428	21.746.291.041
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	4.354.457.954	10.270.004.313
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	360.000.000	360.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	180.000.000	180.000.000
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	36.000.000	36.000.000
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	27.000.000	-
Giá trị mua hàng hóa và dịch vụ được cung cấp	809.847.317.139	746.392.180.293
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	805.044.841.950	742.817.959.550
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	3.269.856.372	2.702.580.406
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	1.505.415.036	552.901.554
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (*)	27.203.781	158.206.879
Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch ốp lát Viglacera	-	160.531.904

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau (Tiếp theo):

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu hộ, chi hộ chi phí	2.427.312.538	1.160.591.529
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	1.184.145.464	549.956.373
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	965.407.074	305.253.156
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	69.440.000	76.345.500
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	69.440.000	76.345.500
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	69.440.000	76.345.500
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	69.440.000	76.345.500
Cho vay	1.665.000.000.000	400.000.000.000
Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	1.100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	535.000.000.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	30.000.000.000	400.000.000.000
Đi vay	500.000.000.000	1.630.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	320.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	160.000.000.000	1.360.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	10.000.000.000	120.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	10.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	-	20.000.000.000
Công ty TNHH Phát điện GELEX	-	30.000.000.000
Thu hồi gốc cho vay	1.660.000.000.000	300.000.000.000
Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	950.000.000.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	400.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	310.000.000.000	300.000.000.000
Trả gốc vay	1.150.000.000.000	1.660.000.000.000
Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	760.000.000.000	1.560.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	10.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	80.000.000.000	-
Công ty cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	250.000.000.000	-
Công ty TNHH Phát điện GELEX	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	20.000.000.000	-
Lãi cho vay	41.087.671.233	8.367.123.288
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	18.692.054.794	2.547.945.205
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	14.923.561.644	5.819.178.083
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	7.472.054.795	-
Lãi đi vay	54.754.815.071	43.473.561.642
Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	35.259.999.999	32.935.753.423
Công ty cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	10.257.006.849	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	7.835.616.443	4.975.342.468
Công ty TNHH Phát điện GELEX	1.199.999.999	1.170.410.958
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	123.287.671	2.897.260.273
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	78.904.110	1.494.794.520



Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau (Tiếp theo):

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức đã trả	527.991.200.000	686.388.560.000
Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	479.991.200.000	623.988.560.000
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	33.000.000.000	42.900.000.000
Công ty Cổ phần GVI	15.000.000.000	19.500.000.000
Nhận đặt cọc	-	400.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	-	400.000.000.000
Trả gốc đặt cọc	200.000.000.000	500.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	200.000.000.000	500.000.000.000
Lãi đặt cọc phải trả	10.171.232.877	28.980.821.919
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	10.171.232.877	28.980.821.919
Nhận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần	600.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	600.000.000.000	-
Bù trừ khoản đặt cọc - phải thu chuyển nhượng cổ phần	600.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	600.000.000.000	-
Thu tiền chuyển nhượng cổ phần	850.000.000.000	1.240.000.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	850.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	720.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (*)	-	520.000.000.000
Chuyển nhượng phần vốn góp	1.270.528.062.534	1.240.000.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	1.270.528.062.534	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	720.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (*)	-	520.000.000.000
Thoái vốn	1.143.315.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị	1.143.315.000.000	-
Lãi bán hàng trả chậm	148.170.186	7.979.823.799
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	148.170.186	3.445.849.060
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	-	4.533.974.739
Lãi trái phiếu thương mại	-	30.205.479.000
Công ty cổ phần Chứng khoán VIX (*)	-	30.205.479.000
Góp vốn	74.070.000.000	5.100.000.000
Công ty cổ phần sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	59.025.000.000	-
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	15.045.000.000	5.100.000.000

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau (Tiếp theo):

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	286.646.586.309
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	-	286.646.586.309
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.333.708.068.800	745.492.911.500
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	776.343.274.000	332.331.810.000
Công ty cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	168.727.500.000	146.230.500.000
Công ty TNHH Phát điện GELEX	121.308.471.800	45.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	103.897.206.000	29.684.916.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	66.653.190.000	113.316.487.500
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	46.778.427.000	78.929.198.000

(*) Giao dịch được tính đến trước thời điểm không còn là bên liên quan.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị (i)	3.005.000.000	5.600.000.000
Thu nhập Tổng Giám đốc và người quản lý khác (ii)	2.206.625.000	2.058.622.725
Thù lao Ban kiểm soát (ii)	240.000.000	240.000.000
	5.451.625.000	7.898.622.725

(i) Bao gồm thù lao, lương và các khoản thu nhập khác của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, cụ thể như sau:

		Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao	Chức vụ	720.000.000	720.000.000
Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	240.000.000	240.000.000
Đỗ Duy Hưng	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Đặng Phan Tường	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Trọng Trung	Thành viên HĐQT	120.000.000	80.000.000
Lê Bá Thọ	Thành viên HĐQT	80.000.000	-
Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên HĐQT	40.000.000	120.000.000
Lê Quang Định	Thành viên HĐQT	-	40.000.000
Lương và các khoản thu nhập khác		2.285.000.000	4.880.000.000
Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	20.000.000	20.000.000
Đặng Phan Tường	Thành viên HĐQT	1.025.000.000	1.520.000.000
Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên HĐQT	600.000.000	1.820.000.000
Đỗ Duy Hưng	Thành viên HĐQT	620.000.000	1.520.000.000
Lê Bá Thọ	Thành viên HĐQT	20.000.000	-
Tổng cộng		3.005.000.000	5.600.000.000

(ii) Bao gồm tiền lương và thu nhập khác của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, cụ thể như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Nguyễn Trọng Trung Tổng Giám đốc	440.000.000	431.000.000
Các thành viên quản lý khác	1.766.625.000	1.627.622.725
	2.206.625.000	2.058.622.725

(iii) Thù lao của từng thành viên trong Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, cụ thể như sau:

		Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Thù lao	Chức vụ		
Đào Viết Đĩnh	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023)	80.000.000	-
Nguyễn Thị Huyền	Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023)	40.000.000	120.000.000
Nguyễn Hoàng Việt	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bùi Thị Trang	Thành viên Ban kiểm soát	40.000.000	-
Tiêu Thị Dung	Thành viên Ban kiểm soát	20.000.000	60.000.000
		240.000.000	240.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	471.110.344.808	109.509.154.130
Công ty Cổ phần Hạ Tầng GELEX	420.528.062.534	-
Công ty cổ phần sản xuất máy biến áp truyền tải MEE	36.230.999.745	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	9.069.148.772	644.451.498
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	4.592.619.856	5.156.298.252
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	689.513.901	6.151.377.956
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	-	97.557.026.424
Trả trước cho nhà cung cấp	-	1.048.512.697
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	1.048.512.697
Phải thu về cho vay	405.000.000.000	400.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	225.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	150.000.000.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	30.000.000.000	400.000.000.000
Phải thu khác ngắn hạn	1.654.520.546	5.819.178.083
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	1.305.205.478	5.819.178.083
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	349.315.068	-
Phải trả người bán	63.393.335.671	16.278.203.947
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	63.393.335.671	16.268.833.756
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	-	9.370.191

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau (tiếp theo):

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ứng trước từ người mua	-	5.004.153.000
Công ty Cổ phần sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh	-	5.004.153.000
Chi phí phải trả	-	3.287.671
Công ty TNHH Phát điện GELEX	-	3.287.671
Phải trả khác ngắn hạn	1.135.068.493	213.444.383.562
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	1.041.095.890	2.082.191.782
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	93.972.603	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	-	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	10.958.904.109
Công Ty Cổ Phần Phú Thạnh Mỹ	-	403.287.671
Phải trả khác dài hạn	2.630.011.334	3.287.514.170
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	2.630.011.334	3.287.514.170
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	70.000.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	70.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	-	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	-	20.000.000.000
Công ty TNHH Phát điện GELEX	-	30.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	50.000.000.000	680.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	50.000.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	600.000.000.000

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị Quyết số 01/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 01 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2023 với số tiền 150 tỷ VND tương đương với 5% vốn điều lệ. Tại ngày 02 tháng 02 năm 2024, Công ty đã thanh toán tiền tạm ứng cổ tức này cho các cổ đông.



Nguyễn Thị Vân Anh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng




Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 02 năm 2024